TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do –Hạnh phúc**
Số: 244/2018/QĐST-HNGĐ	*Mỏ Cày Nam, ngày 20 tháng 9 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 364/2018/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 8 năm 2018, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn" giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị D, sinh năm 1983
Nơi cư trú: ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre.
- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1981
Nơi cư trú: ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Bến Tre – Phòng giao dịch huyện M.
Địa chỉ: khu phố 5, thị trấn M1, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 8 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 8 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị D và anh Nguyễn Văn S.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn S được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm L, sinh ngày 17/9/2001 và Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 01/7/2006 sau ly hôn. Chị Trương Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Nguyễn Văn S không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, khi có căn cứ một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng và người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung:

+ Anh Nguyễn Văn S có nghĩa vụ trả cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Bến Tre – Phòng giao dịch huyện M số tiền nợ vay gốc là **8.000.000 đồng** (*Tám triệu đồng*) và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 12/9/2018 là 54.917 đồng (Năm mươi bốn ngàn chín trăm mười bảy đồng). Thời hạn trả ngày 14/10/2018.

+ Chị Trương Thị D có nghĩa vụ trả cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Bến Tre – Phòng giao dịch huyện M số tiền nợ vay gốc là **8.000.000 đồng** (*Tám triệu đồng*) và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 12/9/2018 là 54.917 đồng (Năm mươi bốn ngàn chín trăm mười bảy đồng). Thời hạn trả ngày 14/10/2018.

Ngoài ra anh Nguyễn Văn S và chị Trương Thị D còn có nghĩa vụ trả số tiền lãi phát sinh tính từ ngày 13/9/2018 cho đến khi trả tất nợ theo Sổ vay vốn đã ký kết giữa các bên.

- Về án phí:

+ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 201.000 đồng chị Trương Thị D có nghĩa vụ nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Trương Thị D đã nộp theo biên lai thu số 0018932 ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, nên chị Trương Thị D có nghĩa vụ nộp thêm là 51.000 đồng (Năm mươi mốt ngàn đồng).

+ Án phí dân sự sơ thẩm 201.000 đồng (Hai trăm lẻ một ngàn đồng) anh Nguyễn Văn S có nghĩa vụ nộp.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự (3b);
- UBND xã Bình Khánh Đông;
- VKSND huyện MCN(1b);
- Chi cục THADS H.MCN(1b);
- TAND tỉnh Bến Tre(1b);
- Lưu HS, VP (4b). TC:10b.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Diễm